

Depot legal
Tirage 1000 ex. us.
Hanoi 6.2.45.

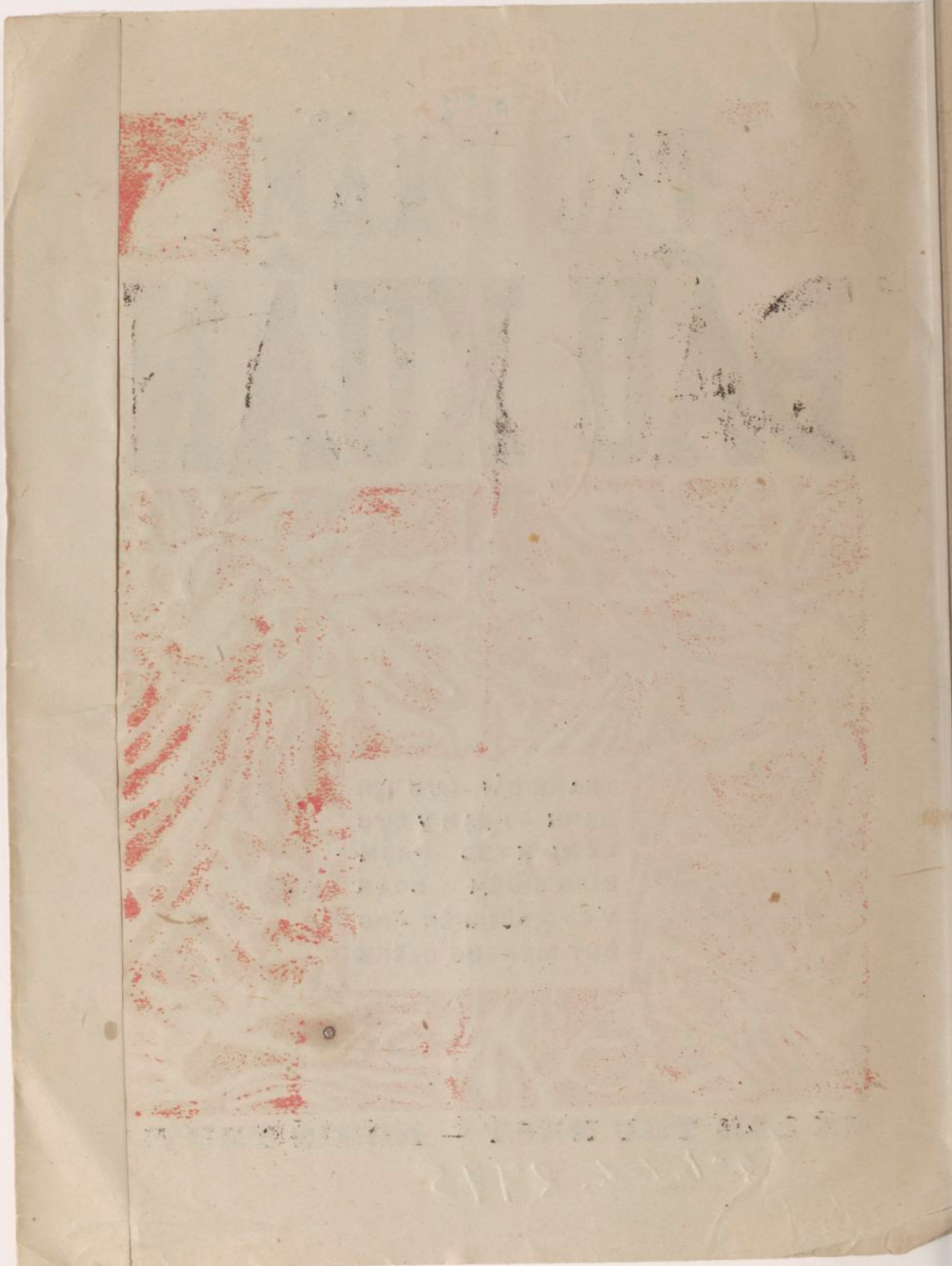
DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 30157

TÁC PHẨM ĐẦU XUÂN

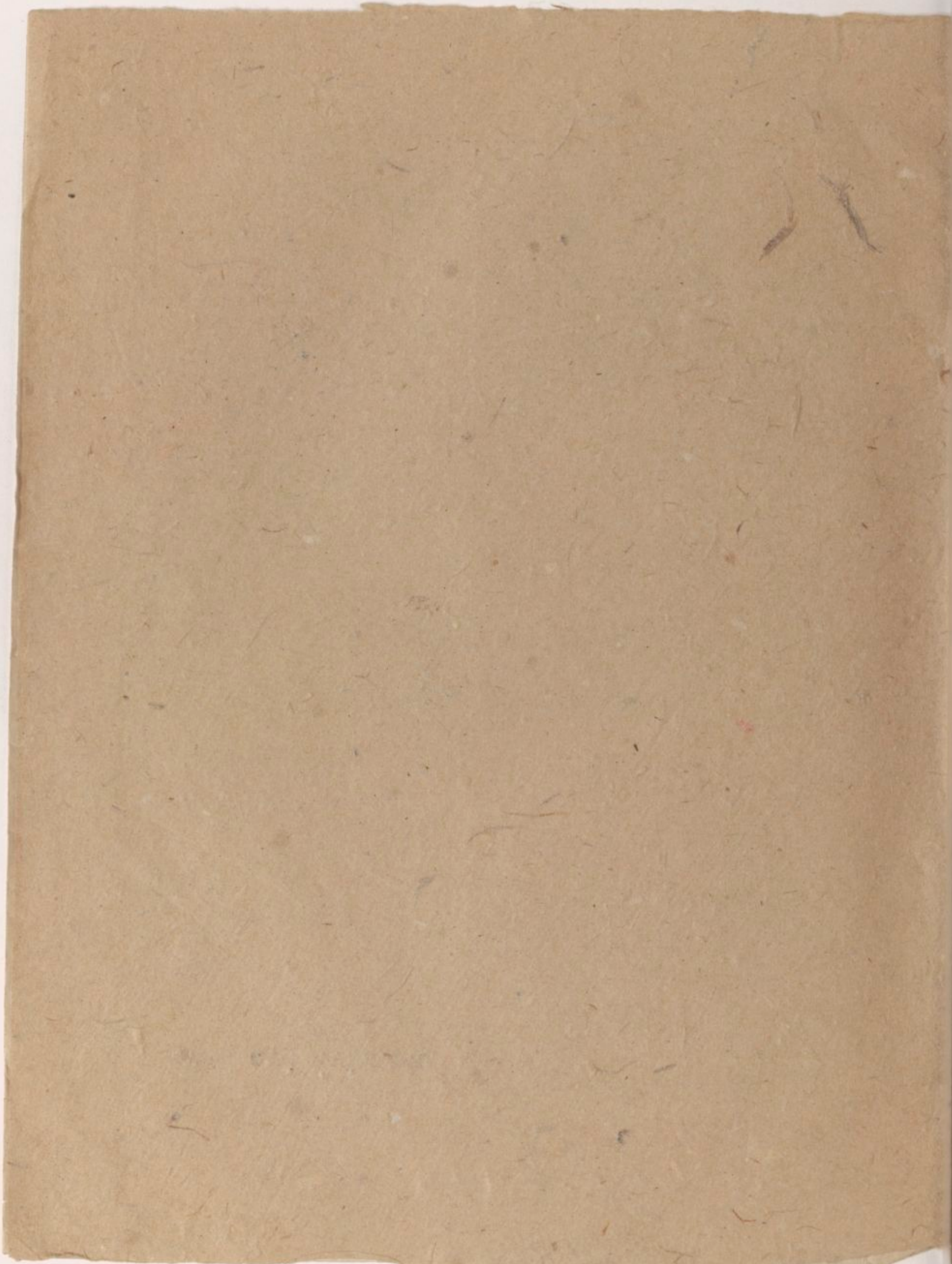
THANH HẢI - LƯU THỊ
HẠNH - PHẠM V LỰU
LÊ MINH THU - PHẠM
ĐÌNH KHIÊM - ĐOÀN
V CỪ - BÙI HIỀN - NG
DUY DIỄN - HỒ DZÉNH

IN LAN THU NHAT - NGHIN THU BA

8° Indoch. 2775



TÁC PHẨM ĐAU XUÂN



TÁC PHẨM ĐAU XUAN

LƯU THỊ HẠNH — LÊ MINH THU
ĐOÀN VĂN CỪ — BÙI HIỀN
HỒ DZẴN — PHẠM VĂN LỰU
PHẠM ĐÌNH KHIÊM — NGUYỄN DUY
DIỄN — THANH HẢI V. V..



TU SÁCH NGUYỄN-HA

8° Indoch
27.75

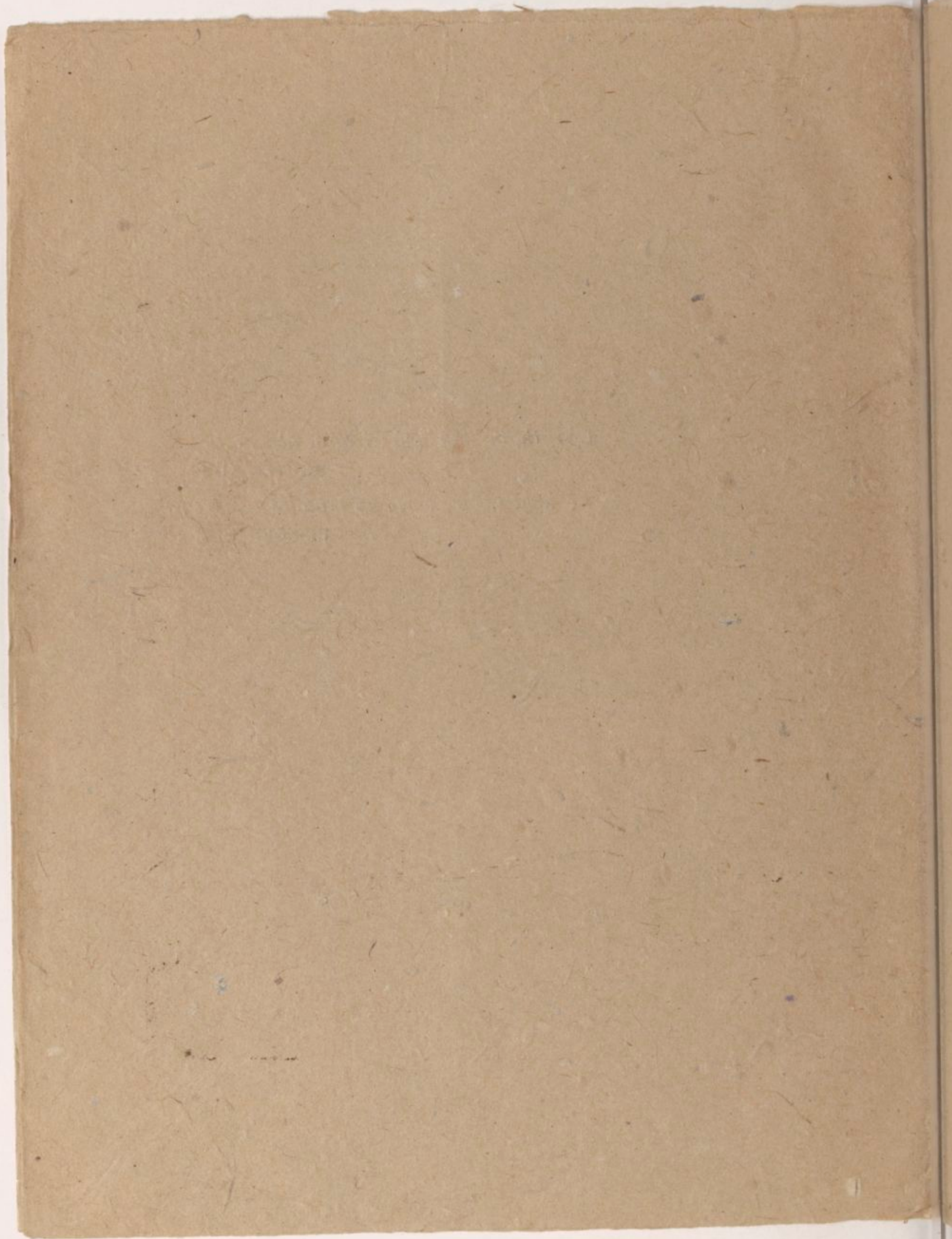
1015

Cỏ thơm lần giờ trước đèn....

NGUYỄN - DU

De la douleur, voici les minutes sacrées....

BISSENNETTE



Lời nói đầu

Tác phẩm đầu xuân đến tay các bạn trong những ngày đẹp dễ nhất. Đó không phải là tập sách của một nhóm người, mà là của cả một Lý Tưởng xây dựng trên Tôn Giáo, trên Tình Yêu.

Cái hoài bão rộng lớn, vài chục trang chỉ có thể sơ phác và khiến người đọc suy rộng đến. Nhưng chúng tôi đã lo lắng bao nhiêu ! Bạn đọc sẽ nghĩ thế nào khi rơi vào tay các bạn cái món quà văn chương thanh nhã này làm bằng sự Tận Tâm và lòng thờ kính Chúa ?

Chúng tôi biết rằng nếu không phác ra con đường đi, dầu chỉ phác ra, sẽ không bao giờ đến kết quả. Chúng tôi biết rằng, rồi ra, bao nhiêu công trình bền vững, rạng rỡ sẽ được người ta đặt dưới chân Chúa, sẽ được xem như là những tác phẩm xứng đáng nhất của văn chương Việt-Nam.

Chúng tôi vui mừng thành thật, sung sướng đến run tay, sửa soạn tiếp đón những thiên tài công-giáo biết chận nhận cái sứ mệnh của văn gia, biết quy tất cả công trình của mình lên Thượng-Đế.

Thời kỳ sống vô giác như cây trên đất, cỏ trong rừng, cá dưới nước, bù đầu tối tăm trên trang sách vô nghĩa, đã qua rồi.

TÁC PHẨM ĐẦU XUÂN

Chân trời mới bật nổi. Tiếng gọi lên đường vang ngân, rộn rã. Gió căng buồm và thuyền sắp rời bến. Đầu dãy, từ rừng xa, từ sông biếc, nhịp lên tiếng ca tụng Mùa Xuân tươi vui, ngấm ngội tấm Lòng Tin vô cùng ở một Cuộc Đời vô tận.

Bằng văn chương, thanh niên sẽ trở lại với Chúa, người thợ mộc nghèo nàn ở xứ Bethléem, người Ban và Cha nhân lành của cả và thiên hạ. Bằng văn chương, một thế hệ nhiệm mầu của Tôn giáo sẽ được tác tạo, một tương lai rực rỡ sẽ thành hình. Bạn hãy nhận Tác Phẩm Đầu Xuân như bạn nhận chính tấm lòng chúng tôi vậy. Cuộc sống chỉ được ấn định bằng trăm năm, sự hiểu nhau trong một giây cũng đã là một niềm ân huệ lớn. Bạn sẽ lấp lại những khuyết điểm của tập sách này, và làm đẹp hơn lên, đó là điều mong ước chân thành của những người yêu quý bạn.

TÁC PHẨM ĐẦU XUÂN



Ý nghĩa đêm Noël

Jésus Christ

HỒ DZÉNH

Trong lúc tiếng ca ngâm của thi hào Virgile bay đầy, thoát từ nơi thôn dã yên lặng, khiến lòng yêu mến cuộc đời hiền lành, trong sạch và sửa soạn đón tiếp một trật tự, một phương châm sống mới, thì ở xứ Bethléem.....

Sự thực khác với điều mọi người tưởng, đấng Cứu Thế không sinh ra trong hang đá, theo sự vẽ vời của nhân loại, cũng không trong cái cửa vồng, như mấy họa sĩ công giáo đã thêu dệt lên, mà là ở một nơi tối tăm nhất, hời hám nhất, nơi lịch sử loài người chưa từng thấy kẻ nào, dẫu tội lỗi và ghê tanh đến đâu, phải mở mắt nhìn đời: cái chuồng bò.

Chính từ cái ngục tù giam hãm xúc vật đồ, một cuộc đời vĩ đại đã bắt đầu. Cao trọng trong hèn hạ. Chấn bầu

giữa tối tăm. Loài người có thể phỉ nhổ lên cái chốn lầy lưa đó, nhưng Jésus Christ, vua của muôn vua, Chúa của muôn chúa đã ưng dùng nó làm nơi chinh phục thế gian. Chúa ra đời, không một thức gì làm người đẹp mắt : đem cầm dầy đóng lên một nơi u ám, mà hoá cỏ tàn tạ dưới gót một đàn bò đê hèn. Thoạt sinh, Người đã sống gần xúc vật, và ra đời truyền bá ánh sáng linh hồn, người lại bị bực đãi bởi những xúc vật mang cái tên đẹp đẽ là loài người.

Cái nơi chôn rau cắt rốn của Jésus Christ không phải thành do sự tình cờ mà đã được chọn kỹ : Thế giới này thực ra chỉ là một cái chuồng bò lớn, nơi loài người ăn và tiêu hóa, nơi những sự tốt đẹp nhất, thiêng liêng nhất đều bị phép luyện đan hóa ra thành phân, thành đất.

Vậy chính ở cái tổ chuột hẹp hòi đó mà sự diễm tó công phu không làm giảm được vẻ tăm tối, một đêm kia, Jésus Christ ra đời, từ tấm lòng băng tuyết của Người Mẹ Đồng Trinh, thiếu thốn tất cả, ngoài sự ngây thơ, vô tội.

Sinh vật thờ phụng Chúa Cứu Thế đầu tiên không phải là người, mà là xúc vật. Trong đám người, Chúa đã chọn những kẻ tầm thường, vô học ; trong các kẻ vô học, những đứa trẻ, và hiền hậu hơn các trẻ, Chúa chọn loài vật. Loài người tinh khôn chỉ là kẻ đến chậm với chúa. Bảo rằng Chúa không đáng cho ta thờ ? Lừa đã có lần được thờ lạy, dưới triều vua Ba Tư Ochus, và bò là vật chỉ trọng của dân Jahve ! Chọn như thế, ý Chúa muốn : Sống để hoán cải những cái tầm thường thành cao trọng, hèn hạ thành thiêng liêng, hạ mình để chân nhân ánh sáng thật.

Sau loài vật, là những kẻ chăn loài vật. Đoàn người chăn chiên gom góp tất cả những của cải ít ỏi họ có dâng Chúa. Những thức dâng thanh đạm và trong trắng như lòng họ : sữa, len, mỡ, lông cừu. Cho đến nay, tuy khi thiêng non sông xưa đã mờ nhạt, ta vẫn còn mừng tượng thấy cái cảnh âu yếm ngày nào giữa đoàn trẻ ngày thơ và đấng Chúa Cứu Thế.

Ngôi Hai đã ra đời trong tấm tình yêu thương lặng lẽ của bà Mẹ hiền, của đoàn người nghèo khó. Người ra đời để chịu khổ, nhưng không làm khổ ai, nhẫn nại nhận hơn ba mươi năm đầy thân nhục nhã, nỗi tình, liên lạc giữa chúng ta và Nước Trời, giữa Nhân Sinh và Bất Diệt.

Qua ngày sau, từ xứ Chaldée xa xôi, ba vị vua thân đến quỳ trước mặt Chúa. Jésus Christ không gọi đến bên người những vị vua sang trọng ở gần, mà kén những người cầm đầu thần thánh (les mages) là ngụ ý muốn nhân loại hiểu rằng những tâm hồn thông thái nhất đã quỳ dưới gót Người.

Ba Vua dâng vàng ngọc lên Chúa, để thực hành trước câu nói trong cuốn sách Phúc Âm (Evangile): *Hãy cho đi tất cả của cải ta có, và đem nó bố thí cho kẻ nghèo.*

Họ dâng hương lên Chúa không là để ướp thơm nơi Người ngự, mà là chứng rằng những hương hoa họ vẫn dùng để thờ lạy bao lâu nay đã mất linh thiêng, từ ngày Chúa xuống thế.

Họ dâng cành lá thơm liệm xác lên Người, vì họ biết rằng rằng Người sẽ chết, và cũng bằng những cành lá thơm đó, Người Mẹ Đồng Trinh sẽ dùng để ướp xác con.

Quý lên trên lẫn rơm rạ ẩm ướt, trong những bộ y phàm lộng lẫy, ba vị vua đã tự hiến mình cho Chúa, ba vị vua quyền quý, sang cả, đại diện sự tòng phục trước mặt Thiên Chúa của cả và nhân-gian.

Một thi sĩ Ý-dại-Lợi đã ru Chúa bé mọn bằng câu thơ êm đềm này :

« Hãy ngủ đi, hài nhi ! -- Đừng khóc nữa ! -- Hãy ngủ đi ! Hài nhi thiêng liêng ! -- Gió bão không bao giờ làm thét được trên đầu Cha Người. »

Nhưng đứa con của Nữ Thánh Marie lọt lòng không phải là để ngủ. Gió bão vẫn nổi lên, nhưng không hề làm cho trẻ sơ sinh kia sợ hãi. Chúa thức tỉnh giữa hơi thở hà ầm của lửa, bò, giữa sự săn sóc của bảy trẻ chăn chiên và ba

vua quyền quý. Chúa thức tỉnh khi những hành động dã man nhất của các vị cầm đầu hồi ấy nổ tung. Xuất đời, con người thương yêu thế gian kia không bao giờ nhắm mắt, cả trong sự tĩnh mịch của khu vườn ô-liu. Cuộc đời cao trọng ấy không phải sinh ra để được nhân nhả. Nó biểu chứng một cuộc tranh đấu và chịu đựng không ngừng, sự tranh đấu để thắng một cách phi thường và vinh hiển.

Một điều làm nổi giá Jésus Christ là lòng yêu đồng quê thâm thiết của Người. Người yêu đồng quê, nghĩa là yêu cảnh thanh sạch, yêu cuộc sống nghèo khó nhưng bình an, và người trải nửa đời ở cạnh làm than ấy. Jésus Christ tìm thấy trong núi non lặng lẽ, bóng cây um tùm, cũng như trong cách sinh hoạt chật vật, cái tiếng nói huyền bí mà sau này Người truyền vào những lời giảng dạy. Không một danh từ gì kêu, không một ý nghĩ gì phức tạp lẫn trong bài học gửi đời. Một linh hồn đơn sơ như chiếc áo chùng thâm buồn bã, đầy nghĩa lý như tấm tình hy sinh và yêu mến bao la.

« Yêu đồng ruộng tức là yêu Chúa. » Cái sung sướng của ta cũng ngang nhau khi ta nghe lớn lên những bông lúa tươi tốt, hoa cỏ mỡ màng, hay khi ta lướt những lời chuông cuối ngày bay qua cánh đồng quê từ một căn gác nhà thờ hẻo lánh.

Trong Bài Thơ rộng lớn là Thiên Nhiên, nơi mặt trời chiếu vui lên những tấm lòng từ thiện cũng như hung ác, nơi lúa nuôi sống nhà hiền triết cũng như gã côn đồ, chim hót thanh thản, loài vật sơn sơn, Jésus Christ đã tìm thấy ở sự thật muôn năm đó rằng Chúa không phải như vị chủ nhân phiến tiếc xuất đời cái của cho đi một buổi, như vị vương giả chỉ kén những kẻ hầu cận vinh hoa, như những viên tướng đem đầy ải địch nhân để thỏa lòng căm tức.

Jésus Christ, con của Chúa, đã biết rằng Chúa là Cha, Cha của mọi dân tộc, là ánh sáng rạng trên khắp cõi đời.

Tình vợ chồng có thể mạnh, nhưng vẫn còn nhiều ghen tuông. Tình anh em dẫu cao, nhưng chưa thoát khỏi nỗi

ganh tị. Tình bạn hay bị mờ vì những điều nhỏ mọn. Duy, tình Cha là bền vững nhất, bởi nó xâu kín và vô tư. Con là tác phẩm của Cha, xương của xương Cha, máu của máu Cha. Do một phút chung sống với một người đàn bà chọn trong muôn vạn người đàn bà trên trái đất, một hòn máu dựng thành. Hòn máu đó ra đời từ một nỗi đau đớn tuyệt đích của lòng mẹ. Và cha sung sướng thấy con lớn trong sự lo lắng của mình, do một phép lạ muôn đời và nhiệm mầu của Thượng Đế.

Trước tình Cha, muôn thứ tình chỉ là vị kỷ. Chỉ có tình Cha mới xứng đáng là Ái Tình. Ái Tình, thừa trả mọi ố lặt.

Quyền lực tạo ra Ái Tình kia không phải là của một người, mà là của một Chúa. Jésus Christ không phải là Con mà là Cha, không phải là học trò mà chính là thầy học.

HỒ DZÉNH



Xuân tàn

LƯU-THỊ-HẠNH

Xuân tàn dần trên những giàn hoa soan màu tím nhạt. Ta nhận thấy, trong một niềm buồn vui không rõ rệt, bắt đến ta làn nắng mới đầu tiên, trong khi trời xanh lên cao, đem theo một nỗi gì vừa băng khuâng, vừa man mác. Ta nghĩ đến những cánh cửa nhà trường rồi đây sẽ đóng, đến cái vắng lặng đột nhiên dồn lại trên bãi cỏ, nơi vừa hôm qua, còn rộn lên những tiếng cười sáng sủa, thấp thoáng những vạt áo tung bay... Và hiện rõ rệt hơn tất cả, trong trí ta, bóng một người học trò nhỏ, ngón tay chỏ dút vào miệng, mắt mọng một niềm thương đau, nhìn rơi cánh hoa phượng xuống sân, cố níu lấy một hình dáng thân yêu mất dần qua ánh nắng.....

Rồi sau tiếng đóng ập lạnh lùng của chiếc rương gỗ, bao nhiêu kỷ niệm cũ sẽ được cất kín trong đáy lòng để chờ lúc sống

lại, đóa linh hồn còn đượm đầy hương phấn ấy thốt nhiên cảm nghe cái nhịp điệu vang lừng của cao cả, tiếng gọi lưu luyến tỏa lại từ một cõi sống phóng khoáng, nơi màu xanh nổi theo màu xanh, sóng lam dàn hàng trên cát trắng....

Trời ! Mây ! Nước !

Bởi vì xuân đã tàn dần trên những giàn hoa soan màu tím nhạt, nên những buổi trưa nóng nhất đã trở về, với trái núi trơ trụi, vút qua đó, đôi khi, những đoàn tàu yêu quái, rạch lên cái xanh thẫm của hư không một vết trắng dài chán nản.

Trời ! Mây ! Nước !

Trong một nỗi vui rơn lên như lớp triều buổi sáng, tâm hồn ta được gần gũi với Thanh Sạch, hòa hợp với Mùa Màng, Khi Tiết, Hương Gió, Hư Vô, và ta cảm thông cái Đẹp nhiệm mầu ở bài thơ thiêng liêng của Vũ-Trụ, mà sự sống khoáng đạt là đầu đề, và Hóa-công là người Thi-sĩ.

Cả một tuổi trẻ tươi mạnh vào mùa, đột khởi như cánh rừng phi lao đầy gió mát, hoan lạc như nắng sớm tràn qua không gian. Ta muốn để hồn ta tan vào khoảng cao Cao Rộng, thở làn hương bất diệt của Sông Núi, và mơ ước những cuộc du ngoạn xa xôi. Trước cái mệnh mông nghìn đời yên lặng, ta liên tưởng đến cái Đẹp sẵn có của Trời Đất, cái Đẹp vĩnh viễn, trung hậu, rồi rào, thăm nhăm vào lòng Vũ Trụ, khiến thần trí ta nhẹ lại và giúp ta xóa khỏi lòng những ý nghĩ nặng nề về cuộc đời hỗn loạn. Cái Đẹp đó đưa luôn ý nghĩ của ta đến một quyền phép huyền bí, một công cuộc kiến trúc vô song, mà mắt ta có thể chiêm ngưỡng nhưng ta không thể xuy tìm, cũng như trí ta đã có lần say mê nhưng không thể khám phá.

Xưa kia, ta từng là người học trò nhỏ, tầm mắt hẹp nhưng lòng sớm sâu nhiều, vẽ vuông vải trắng trong tay, ngán ngẩm trông lại khu trường thân yêu, và mơ về quê hương xa xanh của người hiền mẫu...

Rồi sau đó, bao nhiêu lần hồn ta hoang vắng, mang nặng cái viễn ảnh của đoàn tàu ma băng mình, vút qua dặng đồi trơ trụi.

Nhưng mùa hè đã về trên dặng soạn màu tím mát.

Ta ca theo bài ca sự Sống, hòa nhịp với những âm điệu trù mật trong không gian và ôm choàng trong tay ta, như một tình nhân tham lam, cả ánh sáng, cỏ hoa của mùa Hè-Đời-Yêu-Quý.

Song le, vì hình ảnh người học trò nhỏ bé trên kia là hình ảnh một tấm lòng giàu cảm lụy, một nghệ sĩ đầy vị tha, đã bao lần ta nghe qua tiếng thông reo hòa sóng biển, giọng gió núi gọi mây ngàn, một tiếng thở dài hắt hiu âm thầm trong lòng vũ trụ.

Đó có thể là tiếng than kín của một mảnh đất quê hương, nơi cần lao những tấm lòng khô héo, nơi những số phận tối tăm nhất, đau đớn nhất không bao giờ dám và được biết ánh sáng vui vẻ của biển rộng, trời cao. Sự thư nhàn quá chừng dành riêng cho một hạng người vị kỷ, sự thư nhàn đó không một phút đến gõ cửa những gian nhà lá tồi tàn.

Khác nhân loại, nhà nghệ sĩ sống cao hơn một bậc: trong khi tấm hồn trong những thú vui trong sạch, nhà nghệ sĩ còn để lòng mình rung động trước những nỗi đau khổ của mọi người, tìm hiểu cái Đẹp ở công nghiệp của loài người và Tạo hóa.

Nhà nghệ sĩ đó có thể có ở bất cứ một tấm lòng nào, vì mỗi tấm lòng đều có thể là nghệ sĩ khi biết mở rộng đón những quang trời thanh quang cũng như những cảnh đời tăm tối.

x

x x

Năm nay mùa hè đến chậm. Có lẽ trước khi lại với ta, giải nắng vàng còn lưu luyến những dặng đồi xanh biếc, hay nhớ tiếc

những khoảng trời điểm ảo trong từng gợn sóng du dương Có lẽ thôi, vì ngày nay, trần gian làm gì còn đẹp nữa ! Sự đau khổ, xé rách reo xuống nhân loại, lên đến cái độ cao nhất, với từng cơn quặn quai thấm thía, đã kéo Hành-Tinh, Hộ-Tinh, Định-Tinh ra ngoài nhịp thường của chúng. Cho nên, lúc mùa soạn bắt đầu tím hắt rồi, rét vài hôm còn vương lại....

Ta may mắn hơn người, được sống dưới vùng trời êm lộng, giữa lúc năm đại dương đã nổi sóng, và cơn gió lốc đã xé dịch địa vị của các thành trì kiên cố nhất xưa kia. Hơn người, ta còn biết phút giờ, ngày tháng, còn được hưởng sự trở về vừa êm ái, vừa đột ngột của mùa hè, và mơ màng đến những trời cao, biển rộng !

Nhưng gió mùa hè năm nay không còn là gió mùa hè năm trước nữa ! Những gót chân nhàn du trên bãi biển đã bước gập lên, như để vội xóa dấu trên cát, cùng với những cuộc hò hẹn chắc chắn sẽ rất ngắn và buồn.

Ta nghe qua hơi thở của Xa Rộng, tiếng phai tàn của một cái gì đương hết, tựa như sự đứt lia mạch sống báo trước trong một cơn mê. Và ta ngỡ rằng những nhịp hồi hộp liên miên ở lồng ngực biển chỉ là những cái run rẩy, hốt hoảng của cả và nhân gian sắp nhận rất đau thương một ngày mịt mù sau hết.

Hỡi Người Bạn rất nhu mì, chưa quen, nhưng ta đã nhiều lần hình dung rất nhân hậu, bởi người bạn rất thân yêu, hôm nay ta lại đến nơi đây, cuốn sách kỷ niệm mở trên tay, lòng buồn khôn xiết nói.

Tâm trí ta cơ hồ rối loạn, khi ta nghe dội lại tiếng sóng biển năm nào, khi ta thấy vẫn trang nghiêm và hùng vĩ như xưa, trước mắt ta bày ra bức tranh thiên nhiên bất diệt.

Chỉ có lòng ta đổi khác trong cái bền vững muôn đời !

Ta lại ngồi trên đỉnh núi cũ, tâm hồn tiêu điều, hoang

văng, với mắt vào khoảng mênh mông xanh, ta buồn rầu tự nhủ :

« Không biết có chiếc linh hồn nào xa xôi nghiêng xuống cái bí mật của Vũ-Trụ như ta, để bắn khoan gửi vào Thiên Nhiên vô cùng nỗi đau buồn của một tâm lòng người quá nhỏ ? »

LƯU-THỊ-HẠNH



Thơ và Chúa

PHẠM-VĂN-LỰU

Cao hơn nghĩa Chúa rất Chúa, Trọn Lành trên mọi Trọn Lành, Hào Quang của muôn Sáng Tổ, CHÚA, cái nghĩa chính bao quát tất cả là : THƠ. CHÚA là BÀI THƠ. BÀI THƠ bằng sống. Vĩnh viễn của HƯƠNG HOA, NHỊP ĐIỆU, MÀU SẮC, ÁI TÌNH. Đó là Đạo Lý thu hội lại Vũ Trụ và Nhân Sinh. Thế nhân cảm biết ĐẸP vì sẵn cái ĐẸP bên mình. CHÚA cảm biết ĐẸP vì ĐẸP của chính NGƯỜI, NGƯỜI là ĐẸP. Người ngự trị cái ĐẸP mà ta chỉ là kẻ tôn thờ. RUNG ĐỘNG từ cao xuống ta. NGUỒN THƠ bắt đầu từ đó. Có điều, hai nghìn năm sinh sau cuộc đầy thân lấm than và vinh-hiến, thế hệ trôi chảy đã làm lạc đường ta, mây gió luân lưu làm phai mất ta ; ta đã ở gần quả đất, sống riết vào Nhân-sinh : ta quên CHÚA !

NGƯỜI THI-SĨ toàn mỹ, toàn thiên không quên ta. THƠ NGƯỜI vẫn tỏ. ĐAU THƯƠNG vẫn nhịp với HOAN-LẠC,

LÊ SỐNG đi đôi với HY-SINH, kết nên chất thiêng. THƠ bất tận.

Đời Người đã hết rồi trên cây Thánh Giá. Nhưng một đời khác đã được tác tạo ; Người sống lại trong cõi Chết không chết (la Mort immortelle) và HUƠNG, và HOA, và SUỐI NHẠC, và GIÔNG TIN vẫn thơm lừng, cuộn cuộn.

Cõi đời hãy cố hiểu BÀI-THƠ-SỐNG đó bằng cái nhỏ biển ở một phần triệu sự cao Sáng kia, nếu không là không hiểu gì hết.

*« Ta không biết nổi mong ước mệnh mông nào
 Trào vọt từ đáy tim ta ra,
 Ta không biết nổi mơ tưởng nào đem ta đi
 Một mình thân thơ trên bãi biển.
 Ta không biết sóng bề nói gì với ta
 Bằng tiếng rên than âm u bất tận.
 Sóng bề như hỏi ta
 Một điều gì mà không ai biết cả,
 Và lòng ta nữa cũng hỏi ta
 Điều mà sóng bề hỏi.
 Trôi về đâu, về đâu, cánh buồm ngàn trắng
 Mất tăm giữa muôn trùng xanh thăm ?*

(Thơ Đạo của Miquel Costa)

TRỜI-ĐẤT, VŨ-TRỤ là đầu đề to lớn của một BÀI THƠ CAO. CHÚA là RUNG ĐỘNG chính nhập vào THƠ, luyện thành NHẠC. ÂM HUƠNG, NHẠC, THƠ tỏa đại là ANH SÁNG, HƯ KHÔNG, là SỰ SỐNG bất tận. Ta đi xâu vào cái Thế Giới kỳ ảo dựng trên màu xanh, màu tím, lòng ta hân-khoãn mắt ta e ngại. Ta bị bối-rối trước cái ĐẸP, cái ĐẸP-QUÁ-ĐẸP, cái ĐẸP-TRÊN-ĐẸP, cái ĐẸP-HỒ-NGHI. Rồi ta cho rằng tất cả là HUYỀN LÔNG. Vì ta không thể lĩnh hội được trong chiếc đầu quá nhỏ cái VÔ CÙNG của THƠ, của SỰ SỐNG, ĐẠO và LÝ.

Trong cõi đời tầm thường, nơi ta đau cái đau của loài sâu kiến, đôi lúc ánh sáng Cao Thiêng rọi xuống lối ta đi, khiến ta tin chắc trong một giây rằng ta sống giữa MỘT BÀI THƠ thật.

Không là THƠ sao, cái đêm tuyệt vời màu-nhiệm đã ghi những phút trọng vọng của MỘT CHÚA ra đời ?

Không là THƠ sao, nỗi đau-đớn của NGƯỜI-MẸ-TRỌN-ĐỜI-ĐỒNG-TRINH ôm lấy xác CON-MUÔN-ĐỜI-SÁNG-LÁNG ?

Và đây nữa AI-TÌNH thăm đượm Madeleine cúi xuống hôn chân NGƯỜI YÊU, nước lạnh nửa máu. Thérèse đan bằng tất cả cái ĐAU Chúa chịu, xác thịt tầm thường nao lên nguồn hương muôn đời trinh-tiết.

ĐAU ĐỚN và TIN YÊU
TẦM THƯỜNG của CAO KHIẾT
NHẠC ĐIỀU trong HƯƠNG HOA
THƠ đã sống.

Người làm Thơ là sự thấu nhận huyền diệu những bí-mật của VŨ TRỤ, của LÒNG THƯƠNG, như cây đàn thấu nhận cảm giác và tiết tấu ra âm thanh. Để được trực tiếp với KHÔNG GIAN, nghĩa là trực tiếp với CAO KHIẾT, THƠ phải rời bỏ cái phẳng lặng tầm-thường của Trái Đất, quăng Thời-Gian ấn định bằng trăm năm. THƠ phải vĩnh-viễn. AI-TÌNH của Sự Sống, của Mỗi Người, của cả và Nhân-Loại, và của ĐẲNG CAO CẢ trù mật hội lại trong lòng Người-làm-Thơ, sự lạc quan và Tin Yêu đến cùng độ. Lạc quan trong ĐAU-KHỔ. Nghĩa đẹp nhất của RUNG ĐỘNG, của MÊ SAY phải quy về một TẦM LÒNG CAO QUÝ, một sự TÔN THỜ TRÊN HẾT MỌI TÔN THỜ. THƠ phải có thêm lên một nghìn lần quả Đất, hàm xúc trong cái BẤT DIỆT của THỜI-GIAN.

Chỉ có ở CHẤT SỐNG, ở LINH HỒN, ở ÁNH LỬA của TÔN GIÁO, THƠ mới rút được cái TINH TÚY của XÚC CẢM — HƯƠNG, HOA của THƠ.

THƠ, tổng hợp của KHÔNG GIAN và THỜI GIAN, của VUI TƯƠI và ĐAU-KHỔ, của TRÁI ĐẤT và THIÊN NHIÊN.

THƠ : TRONG SẠCH.

THƠ : THIÊNG LIÊNG

THƠ : RẤT CHÚA.

PHẠM-VĂN-LƯU



Hồn Chiêu

Người con nhỏ mà hồn buồn thê thiết,
Lửa trần gian không nhóm nổi lòng yêu,
Con vào đây ! Đời lạnh biết bao nhiêu,
Nắng đã rụng dưới chân ngày tang chế.

Cha đợi đón con từ bao thế hệ,
Nhớ mong nhiều nên mắt đã hầu khô,
Áo chùng thâm buồn nổi giữa hư vô,
Mơ ánh sáng cõi Muôn Trùng lạnh lẽo.

Cha biết lắm, lòng con nay đã héo
Bởi nhân tình không xứng ý con mong,
Lấy cô đơn con đời Mộng vô cùng,
Dâng Cao Trọng con gặp toàn vị kỷ.

Chiều lạnh quá ! Ngoài kia đời đã xẽ,
 Vào đây con, trong lửa ấm lòng Cha.
 Con nhớ nhung ánh sáng, tiếc đời hoa,
 Đèn trăm nến, Thơ muôn mẫu đã tắt ?

Ảo vọng hết ! Lầu xây trên giải cát !
 Con thấy không, muôn vật chỉ phù hư !
 Và đau thương làm rộn đáy tâm tư
 Ngõ sâu mạnh nhưng chỉ là gió thoảng !

Cả nhân thế trên đường về chuẩn choáng,
 Ngần men say, đầy ứ khí tham lam,
 Cha đứng đây buồn thấy ánh Vinh Quang,
 Không chiều lọt qua bức màn tấm tối.

Tin tưởng lạnh ! Lời thề xưa đã lỗi,
 Hồn kinh phai trên miệng thề từ lâu,
 Dưới chân cha, không một kẻ nghiêng đầu,
 Và không cả một tấm lòng tưởng nhớ

Máu rất trọng của Linh Hồn rất khó,
 Cuộc đầy thân vinh hiển giữa trần gian,
 Đời quên Cha, tìm rồi ánh kiêu sang,
 Hoa Nhân Đức đã phai mờ hương sắc.

Cha nhóm lại, khi trời chiều lửa tắt,
 Tình thiêng liêng cao quý ở lòng con,
 Xuân muôn năm nơi vĩnh viễn linh hồn,
 Hương thanh khiết thơm tươi mùa trọng thể...

Đời lạnh quá ! Ngoài kia chiều đã xẽ,....



Hiu Quanh

Thuở nhỏ, tôi run lúc đổ chiều,
Gió về trút lá, trái có liêu,
Đường xa thấp thoáng hàng sương trắng,
Gối lẻ, giường đơn, lạnh rất nhiều.

Đèn chụp chao xanh, dọi sách vàng,
Tay luồn tóc biếc, mắt theo trạng,
Tôi mơ khi học bài Luận lý :
Cửa hé nhà ai sáng dịu dàng....

Chữ nở ra hoa, sách có người,
Tôi nâng nâng sách ép lên môi,
Rùng mình khi thấy hồn thay khác,
Ngây cả giang sơn, đắm cả trời.

Đó tuổi thanh xuân ngóng bạn về,
 Đường đời giục già bước chân đi,
 Nghìn đôi mắt đẹp, nghìn tên lạ,
 Tôi chép song song đậm nét cười.

Trốn tránh điều hèn, kiếm lứa đôi,
 Quên thân đau khổ giữa vui đời,
 Khi đèn đỏ ngọn, hồn kinh thoảng:
 « Lạy Chúa nhân lành thương xót tôi ! »

Núi dựng cô đơn, buồn xếp hàng,
 Ngõ chiều, mây trắng phất phơ tang,
 Ai ân khôn, lấp hồn xa mạc,
 Vĩnh viễn thể lương lạnh bóng tàn.

Chiều buốt linh hồn tôi đứng đây,
 Nguyên cầu Thánh Giá, chấp đôi tay,
 Rưng rưng mắt lệ nhòa xa thăm,
 Mơ lửa trời thiêng cháy vạn ngày.....

HỒ DZÉNH

Nữ Sĩ MARIE BISSONNETTE

Một đóa hoa trong vườn thơ Tôn-Giáo

Ngày mừng 10 tháng giêng năm 1921, trong cái vắng lặng của dòng tu kín tại Shilery, đã tạ thế rất trơ trọi một nữ đạo sĩ mà sự nghiệp, tuy đơn giản và tầm thường, sẽ chiếm một địa vị quan trọng trong lịch sử Tin-giáo-Hội. Dưới mắt lơ đãng của kẻ qua đường bận bịu, trạng thái đó có nghĩa gì, nếu không là phút giờ chấm hết một kiếp sống cuốn theo muôn nghìn kiếp sống khác sẽ bị quên lãng ở ngày mai? Chiếc lá cuối cùng lia cành, rơi xuống, trong cái tiếng động buồn rầu không bóng vang trên mặt đất.

Tuy nhiên tin chết đó đã vượt qua giới hạn tu viện, và trước thi hài nữ đạo sĩ, người ta rõ rệt nhận thấy một tấm lòng thành kính riêng biệt, nỗi thương cảm chân thành. Giữa đám người áo trắng dài cần nguyện, bao nhiêu đệ tử, thân thích, bằng hữu đã chạy đến dự tang lễ một cách sốt sắng, tận tình. Không còn cảnh nào làm lạnh lòng ta hơn cảnh một cỗ quan tài đơn sơ màu trắng, nền thấp xung quanh, trắng một cách rợn người, phản lại rõ rệt màu đen

âm u phủ đầy chiếc nhà táng nhỏ. Sự thồn thừ trông như vỡ trong mọi linh hồn, khi tiếng kinh từ từ nổi lên, từ từ nổi lên từ một góc xâu nhất của giáo đường, những giọng hát nhịp nhàng trên cung bậc của hình, của tiếng, do chính người tu nữ đặt ra, vài hôm trước khi vĩnh biệt.

Người tu nữ đó là thi sĩ Marie Bissonnette, tên thánh là Marie Saint-Ephrem. Marie Bissonnette ? Cái tên không ai biết trong văn chương, vì cây bút tu hành đó chỉ ký một biệt hiệu nhũn nhặn dưới những bài thơ đăng trong các báo đạo : « Tin đồn của Jésus-Marie ». Sự khiêm nhường kia còn là tấm gương sáng cho những người mà mục đích ở đời này là đạt đến cái hư danh rực rỡ, như lời ước mong của nhà thơ xấu xổ : « Người hãy luyện tấm lòng này thật cao trọng, để khắp cõi đời ghét ghen nhưng không thể với tới ; rồi bằng một phép nhiệm màu, xin Người đặt xuống thật thấp, giữ cho rất hèn mọn, trong khi người đặt lên cao ».

*Faites-le si haut que toute la terre,
Voulant le ravir, ne l'atteigne pas,
Faites-le si humble et, par un mystère,
En le plaçant haut, gardez-le bien bas.*

Cuộc đời của Bissonnette cũng đơn giản, trong sạch như những bài thơ của Mẹ. Ba mươi hai năm tận tụy cho nền giáo dục, nuôi nấng các trẻ sơ sinh, vô thừa nhận, Marie Saint-Ephrem, cuối cùng, kết liễu đời mình bằng cái chết yên tĩnh, « sự trở lại quê hương thân yêu ». Cái linh hồn anh tuấn đó đã làm trọn vẹn nhiệm vụ một người sống, mà tháng ngày là sự kiên nhẫn to lớn, giữa muôn nghìn công việc, giữa muôn nghìn cực khổ, và giờ phút trôi theo một chiều, tàn trong một tư tưởng, không ước mong ân thưởng gì xứng đáng hơn là được thấy tồn tại công cuộc nhân đức của mình.

Marie Bissonnette đã sống rất đẹp đẽ, trọn lành cuộc đời thực tế của Mẹ để chịu đựng hết, yêu thương hết, trong

khi ca ngợi, ham mê cái thế giới tinh túy, cao cả là Tôn-giáo, và Thi-ca.

Thơ của Bissonnette không được nhiều. Vài chục bài thừa thớt, rung động trong đời sống tâm thường của Mẹ, vì như ánh xuân đôi lúc thoáng hiện trong làn sương mờ. Vài chục bài dâng lên một tấm tình trọng đại trong tính chất thấm nhuần lòng thương yêu và tin tưởng. Từ những vận điệu, lọt ra có khi là những tiếng thở dài ảo não, những điệu ca vui tươi, với nỗi ước nguyện mỹ lệ nhất của một người con gái biết tin, biết yêu và biết chết.

Những bài đó được hội lại trong một tập thơ nhan đề là IMMORTEL AMOUR, ÁI TÌNH BẤT DIỆT. Rồi cái công nghiệp thi ca nhỏ mọn, cái công nghiệp gồm năm mươi bài thơ tin yên, đau khổ, rơi từ cây bút đồng trinh kia xuống, tỏa từ tấm lòng trong sạch kia ra, được người đời trân trọng hiết đến. Nhưng lúc đó, ồ ồ ! Bissonnette đã từ trần. Tuy nhiên, làn hương tỏa lại sau cái bóng mờ vừa khuất vẫn phảng phất trên hơn hai trăm trang sách mà người đọc, dầu khô khan, riết róng đến đâu, cũng phải run tay khi lần giở....

De la douleur, voici les minutes sacrées....

Ta nhận thấy rằng nguồn thi ca kia, trước hết, là Tôn-giáo. Điều ta nên tìm và yêu là sự siêu thoát linh hồn, lên Chúa, sự cao cả của lời Kinh, của tâm nguyện, của tư tưởng, của tình cảm, cùng diễn đạt một tấm lòng say mê vẻ Đẹp thần thánh, những đức tính phi thường, niềm chí thành tin ngưỡng, và sự giao dịch thần kỳ. Đó là tính chất quý nhất, đẹp nhất rào rạt trong Thơ và giúp Thơ vươn lên ánh sáng. Chính ở cái đà của linh hồn cất mạnh đến Thượng-Đế, người làm thơ bị bắn khoắn và đau khổ trước cái Đẹp, cái Thơ, mà năng tri tâm thường không thể diễn tả được. Sự thông cảm giữa người và thế giới huyền diệu

đưa hồn ta vào cõi Thờ Kinh, cùng lúc dễ khơi trong ta những mạch thương cảm vô hạn nó là những khúc ly ca thuần túy nhất, tha thiết nhất ở đời này. Tiếng than đó bay qua một thế hệ đầm máu và nước mắt, mà người sống run rẩy và than van, giữa lúc một quyền phép tối trọng rung cây roi quỳ tặc trừng phạt loài người càng ngày càng thấy lớn dần lên niềm kinh hãi :

L'univers est baigné dans le sang et les larmes.

Et nous vivons tremblants, pleins d'angoisse et d'alarmes,

Seigneur, vous brandissez le fouet de vos rigueurs.

Et chaque jour qui luit voit grandir nos terreurs.

Độc Bissonnette, ta rung động vì sự giàu cảm luy, của một tấm lòng ham sống, sự dịu dàng chưa sót, những tư tưởng rất cao được diễn tả trang trọng và đơn sơ như cuộc đời, như linh-hồn của tác-giả. Nguồn thơ của nhà nữ tu-hành bắt từ ở mọi vật xung quanh, và hội lại trong một thứ ái-tình siêu-đẳng. Tất cả là ham mê, là say-dắm, là hy-vọng, là đau-đớn chân thành. Tất cả trở nên rất thơ vì đó rực rỡ trong ánh sáng thiêng liêng, thứ năng thiêng làm tung-bùng nhịp điệu, màu sắc, tượng hình.

Đời Bissonnette, Thơ Bissonnette là biểu hiện của tin tưởng. Tin tưởng ở cái Bất-diệt, Trội-Lành, nguồn tin gần thành một sự an-ủi màu-nhiệm. Trong lúc cuộc đời ngầu những dục vọng, Thanh-Niên chỉ còn cái mục-dịch là phá sản tinh thần để truy-lạc, một tấm lòng nhân-hậu, chất phác như nhà nữ tu-hành kia quả là một hạt ngọc. Không phải ai cũng say mê thiên-nhiên được. Không phải ai cũng cao thượng được. Để yêu những cái vô hình, cần phải có một định tri khác lạ, một năng lực phi phạm. Cảm giác đó, năng lực đó, Bissonnette đã gửi vào những vần thơ chân thật, thứ thơ của lòng tin yêu cần phải tỏa ra, cần phải lan

rộng. Thi-sĩ đã nhận thấy cái Đẹp trên bức hiên biết tầm-thường của loài người, cái Đẹp của Tôn giáo, cái Đẹp mà trái đất không diễn nổi vì quá cao và các thiên thần cũng cảm lời khi chiêm ngưỡng :

*Les accents d'ici-bas n'atteignent pas les cieux,
Les anges sont muets dans leur ravissement.*

Thơ Bissonnette đôi khi trào ra những hàng nước mắt thầm kín, ví như lòng xót thương ngậm-ngùi trong bóng tối. Ta nghe được lời than âm u đó vì chính lòng ta rung động, vì ta cảm biết cái thiêng-liêng của hơi thở Chúa chạm vào hồn ta, vì ta lắng được sự tự tình giữa hai người tình-nhân cao quý : Tôn giáo và Ta. Nhờ lòng tin vô song, ta « đọc được ở không gian những giọng chữ, ta đọc được trong làn chớp sáng hơn ban ngày bài thơ cao, thiêng của sự giải thoát, những bí-mật không cùng, trong tấm tình Chúa không cùng, ta đọc : Sách Phúc Âm của Đau-khổ ».

*Je lis des mots du Ciel et d'ineffables choses,
Je lis dans un éclair plus brillant que le jour,
Le poème divin de notre délivrance,
Les secrets infinis de ton immense amour,
L'Évangile de la Souffrance.*

Một tình yêu như thế chỉ đáng được trọng vọng. Nó thân gồm một tình cách cao-thượng, bởi dung hòa được Tôn-giáo và Nhân-Đạo, Hy-vọng và Đau-thương. Chỉ như thế, Thi Ca mới được bền vững, ví như tài năng được trợ lực bởi thực học. Thêm nữa ở thơ Bissonnette, ta nhận thấy cái phần chính năng đỡ thi tài là Chúa, một Lễ Sống mẫu-nhiệm mà ít người thấu hiểu, và hay từ chối vì khó tin.

AI TÌNH BẮT DIỆT là những bản kinh nhỏ lặng-lẽ hơn là sự phô diễn khoa trương, chú trọng đến vẻ Đẹp cao-siêu hơn là cá tính chật hẹp. Người làm thơ đem bao nhiêu chân thành trong sự ước nguyện được thấy Đấng Cao Cả,

Ngôi Hai xưa đã xuống thế làm người, Tình-Nhân tôn thờ của Thi-sĩ :

*Que j'e voudrais le voir, Celui que je possède,
Le Verbe qui jadis s'est montré parmi nous.
Ce Vœu me fait languir, il me presse, il m'obsède,
Si je pouvais Le voir, mon adorable Epoux !*

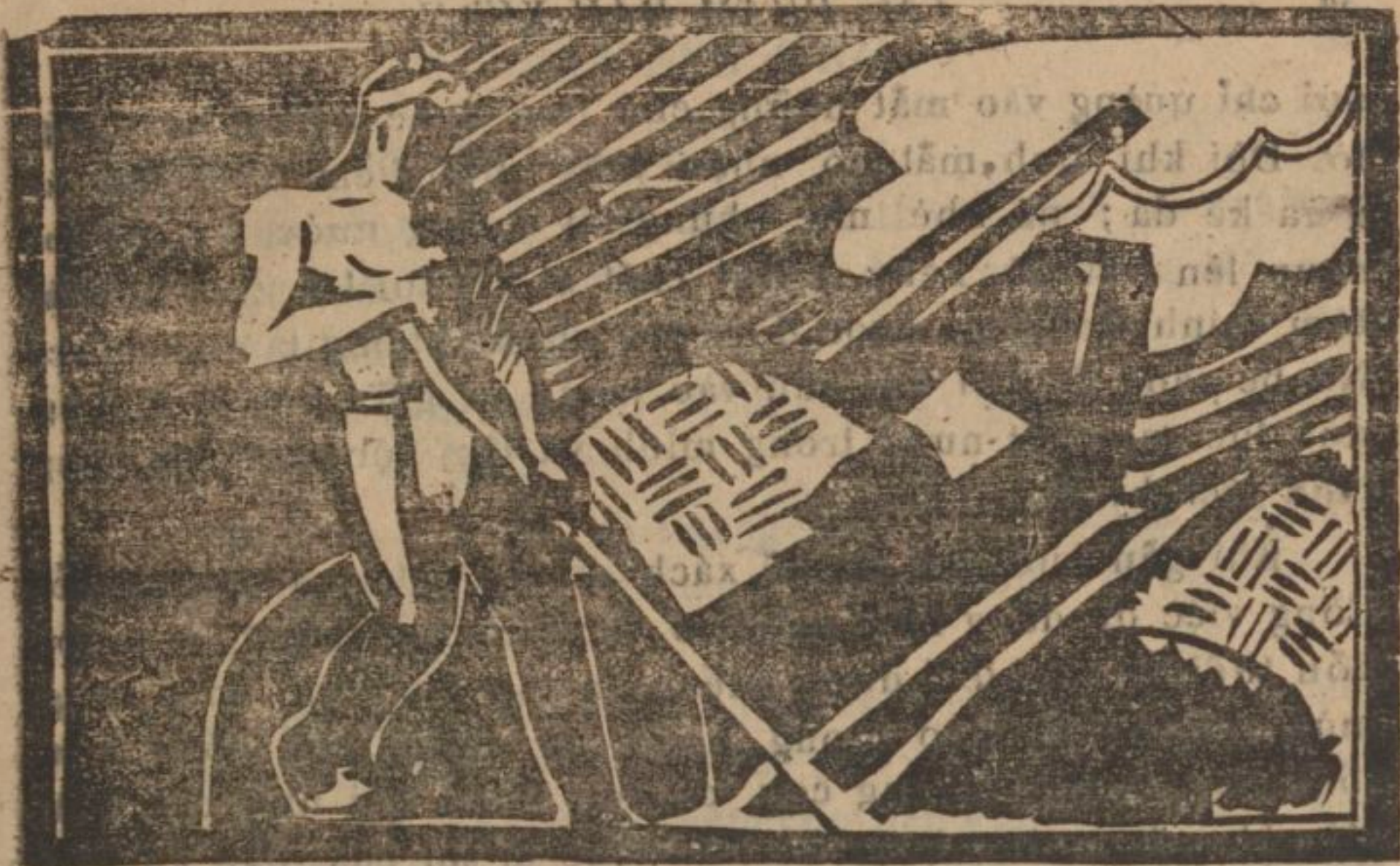
Trước người tình muôn thừa đó, thi-sĩ tự thấy mình khuất đi, bên cạnh sự xuất hiện bằng vàng ngọc, bằng máu và nước mắt, bên một Bài Thơ đủ rung động, đủ hoan lạc, đủ đau-khổ là Người thợ mộc nghèo nàn chịu bỏ mình trên cây Thánh Giá.

*Je ne suis rien, Seigneur, qu'un peu de vanité,
Une débile voix qui gémit et s'efface,
Mais chaque jour me lie à ton éternité,
Et laisse mieux voir les éclairs de ta face.*

Thơ Bissonnette vì thế sẽ sống, một khi cõi đời còn nhớ đến Chúa, nhớ đến nơi quê-hương thiêng-liêng, nhân-nhục đợi chờ, yên lặng đợi chờ cái phút mà mắt người mở muôn đời trên một cõi sống bất diệt :

*Et j'attendrai sans plainte, et j'attendrai paisible,
L'heure où sur toi, mes yeux s'ouvriront pour
toujours.*

Lê-Minh-Thu



Nhà anh Bình

BÙI - HIỀN

Những con dòi béo tròn bò ven thành lon mắt, trên cái vỉ đan bằng tre điểm lấm tấm những vảy cá trong, và trên những hòn đá dẫn có in từng lớp muối khô đóng thành màng mỏng.

Anh Bình nhìn cái lúp nhỏ cầm trong tay, bảo mẹ:

— Lúp nát để nước mưa vô thành dòi béo núc.

Mẹ Lơn nói:

— Phải đó, bữa ni rảnh anh đan lại cái lúp cho một thí.

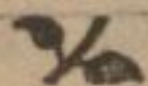
Anh Bình đi lấy một khúc tre, một con dao rựa. Anh ra giữa sân, ngồi kê trên một khúc gỗ, bắt đầu làm việc. Quần anh giữ ngang lưng bằng một sợi mây sợi sài; khi anh còng lưng, cặp quần bật ra, để lòi mông béo.

Thằng Mơ em anh Bình lẳng lẳng đi ra. Nó ra sông, lò dò lội dọc bờ hàn, dùng một lưới câu đơn sợi treo đầu một

sợi chỉ quàng vào mắt những chú tôm ngốc ngếch hơi lững lờ. Đôi khi tình mắt nó nhận thấy một điểm xám lấp ló giữa kẽ đá; nó nhẹ nhẹ nhúng tay xuống nước, đột nhiên chụp lên vật đó, kêu: « Hi! chết vi (1) tui! » Chú cua bị tóm thành lính, ngo ngoe đôi càng nhưng không làm gì được. Nó bẻ càng đi, rồi vút chú vào trong oi, giữa mớ tôm đang đồn lục sục chất nước trong mình và làm rợn một thứ tiếng tanh tách kỳ dị.

Khi gần buổi ăn, nó sẽ xách oi về, rút tôm cua ra rửa. Công việc dễ dàng như một trò chơi, nhưng thằng bé mười bốn tuổi ấy đã kiếm được miếng ăn cho gia đình. Theo từng mùa, nó ra cõn đào giông, hoặc câu những con bống hoa tím đỏm xanh, những con cá kim mình dài như cái que lỏi sớt mặt nước; hoặc nó đốt đuốc đi soi cua, đập vỏ hàu khêu lấy chất ruột leo nhèo. Một đôi khi nó đi nhờ te một buổi để lấy cá ăn.

Nó kiếm ăn như người ta chơi đùa, không cho công việc mình là quan trọng.



Trời một màu u ám. Một tiếng động âm u tràn lan khắp làng, như cách có ai lẫn rất nhiều những thùng gỗ lớn nơi xa: đó là tiếng sóng biển, thường gọi tiếng *rungrun*.

Sửa song cái lúp, anh Bình ngừng lại nghe ngóng, rồi nói:

— Cơ ni còn động lâu.

Mu Lơn đáp:

— Thôi, năm ni rửa là cho lưới mất. Trời thì động luôn, cá kéo đi mô cả. Rõ cái lúc mần ăn khó, bần lại sinh lắm kiền cho khó thêm.

Thấy con gái gánh nước về, mu bảo:

(1) *chết vi* là chết. Nó tui là nó. Nó tui là nó. Nó tui là nó.

— Ghe, đi vô nấu cơm ăn.

Con Ghe gánh nặng dậm đất thỉnh thích. Mình nó nghiêng về phía trái, một tay vung vẩy mạnh. Nó kém thắng Mờ một tuổi, nhưng thấp hơn nhiều. Mẹ bắt đầu học việc cho khi nó mới lên sáu, bắt quét nhà, rửa bát. Lên tám, nó quảy hai cái nồi đất đi gánh nước.

Bởi vậy nó chỉ lớn bẽ ngang. Hai vai u, chân thô, bẹt. Trông nó lùn, nhưng đó là dáng vóc của phần đông những cô gái trong vùng.

Nó đi lấy gạo, rồi len lén ăn cắp của mẹ một miếng trầu. Nó ăn trầu rất nhiều, đến nỗi đôi môi bầm đen. Ban đêm đi nằm, nó lấy trầu nhai bồm bồm cho đến khi ngủ quên. Sáng ngày, thấy còm còm trong má, nó nhả cái cốt trầu ra; da miệng bị phỏng, hơi tê và rát, nhưng nó không chữa thôi đó. Nó thường nói: « Khi mô không có trư (1) thì y như người chết rồi. »

Nó làm hầu hết công việc trong nhà.

Nhìn con gái vo gạo ngoài sân, mẹ Lơn nói: « Khi nấy ông Xin Cao đi qua có ghé vô đây. »

Con Ghe gắt mẹ, nói văng cả nước trầu lên gạo:

— Hừ, mẹ cứ chế thi (2). Tui nỏ thèm lấy mô mà nói.

Anh Bình cười:

— Mi nữa! Ai bắt mi lấy thằng Xin, mà đã kêu ầm lên?

Con Ghe vút rá gạo nguây nguây đi vào bếp. Mẹ Lơn chửi:

— Thằng bố mi! Có ra làm đi mà ăn không?

Rồi mẹ ngồi nói lái nhai:

— Con ghi (3) lớn thì phải lấy chồng chớ. Đề rửa cho thúi thây à? Vừa đòi phải lựa thì gả, đừng có nói thảm nói bậy mà hàng xóm người ta cười cho. Rõ hai anh em bay

(1) trầu

(2) thời (3) con gái

răng mà khéo học tinh nhau rửa ! Thằng anh thì không chịu lấy vợ, con em nó chịu lấy chồng.

Anh Bình biết mẹ sắp giở đến chuyện mình. Cứ mỗi khi trời động anh ngồi nhà không đi lười được, mẹ Lơn lại từ chuyện gần xa bắt sang chuyện hôn nhân của con trai mà phàn nàn. Như cách đó là một chứng bệnh cũ mà mỗi con trở trời lại đánh thức dậy.

Anh đáp :

— Mẹ đến hay ! Khi mô lấy thì tui lấy, việc gì cứ ngồi nói cảm rằm !

— Khi mô ! còn khi mô nữa ! Anh muốn cho tui xuống lỗ đã răng ? Tui muốn có một thí cháu mà bông, rồi vì nhăm mắt được. Anh như người ta thì đã một bầy con rồi. Đường ni... Anh nghĩ coi, con Ghe thì ít lâu nữa hẳn về nhà nhổng (1), khi nỡ ai giúp đỡ việc cho tui. Tui cũng già rồi chớ, anh còn muốn bắt cái con mẹ già ni khổ nữa tề à ?

Mụ đã đẹp rồ nan vàng về một bên, ngồi nghiêng đầu một tay tỉ má, bộ buồn rầu và thiếu nảo.

Mụ không có tuổi. Người ta thấy mụ già, nhưng không dám chắc có phải cái già của năm tháng không. Những người nhà quê khoảng ba bốn mươi tuổi trở đi, nét mặt có một vẻ riêng, nhăn nhiu xấu xí khiến không ai đoán được tuổi nữa ; nhưng rồi từ đó nét mặt họ không thay đổi mấy.

Nhất là mấy mụ đàn bà mà những cuộc sinh nở liên tiếp đã cạn hết sinh lực. Mụ Lơn dễ xòn xòn rất nhiều. Nhưng con mụ chết cũng nhiều. Người làng hỏi nhau :

— Mấy bữa ni răng thấy vắng mụ Lơn.

— À, mụ nớ dễ.

Rồi chỉ ít hôm sau, hoặc một vài tháng sau, người ta

(1) nhà chổng.

nghe tiếng mẹ ngồi trong nhà khóc lỉ tẻ. Mẹ mở rộng bàn tay ôm mặt, chỉ để lòi cái miệng đỏ lỏm quết trầu há ra gớm guốc, réo ma khách lên mà chửi. Mấy con ma khách không biết mẹ lật được ở đâu, nhưng chúng đã thành kẻ thù số một của mẹ. Tưởng chừng chúng sinh ra chỉ cốt để bắt con mẹ đi. Tuy mẹ đã không quên trùm một lúc dứa so sinh trong cái váy.

Nhưng ít lâu sau, người ta đã thấy mẹ xách một cái bụng tròn thê lè, ngực uõn ra sau. Như cách mẹ mắc một bệnh là trở lại theo từng định kỳ. Bệnh ấy theo đuổi mẹ cho đến năm chồng mẹ đi lười về bị cảm mà chết.

Những cuộc sinh nở vô ích ấy chấn động trí óc mẹ nhà quê đầy đặc mê tín. Mẹ thấy rằng sự không may, mà con ma khách là biểu hiện, theo ám mẹ, hại mẹ trong những người thân. Tuy mẹ vẫn nói bô bô : « Trời bắt dễ thì phải dễ, chớ lắm con làm gì cho nhọc lo ! » Một niềm thương yêu tằm tối ràng buộc mẹ với đàn con cái.

Ma khách đã bắt của mẹ tám đứa con ; nó đã tàn nhẫn cướp lấy luôn bàn tay che chở và chăm nuôi của người chồng. Mẹ còn ba con nữa, nhưng ai biết được loài ma quái kia hiện nấp ở đâu ! Đôi sáng thức dậy, mẹ kể chuyện rằng có thấy ma khách vào nhà hồi đêm. Đó chỉ là chuyện chiêm bao, nhưng mẹ kể rành rọt như cách đã xảy ra thật. Mẹ trợn đôi mắt ốc nhồi, múa tay, tả dáng điệu con ma : « Hắn mặc áo trắng lố, cười nhe răng, trắng hếu. Tui tức mứn (1) dính trùm lên đầu hắn, thì hắn bỏ chạy biến đi. Có ai hỏi vì sao mẹ biết là ma khách : « Răng lại không biết ? Hắn nói lủi lo hay lắm. Như mà ma An-nam, thì mình hiền tiếng chớ ! »

Con Ghe mẹ muốn tống đi lấy chồng cho mau : « Cho hắn đi nhà khác : thoát cái dớp nhà nì. » Con anh Bình, mẹ muốn anh lấy vợ để mau có cháu nối dõi. Như những

(1) váy

người Việt-nam khác, mụ tận tâm với việc hương khói của gia đình chồng.

Mụ ngồi lì má hồi lâu. Mỗi cở, mụ nghèo đầu sang phía kia. Mụ lại nói :

— Anh cũng phải xở cho xong đi, để tui còn lo cho thằng Mơ nữa chứ. Anh lớn sù sụ rồi, khi ai hỏi thấy nói chưa vợ, có phải người ta cười tui không biết lo cho con không ? Thẹn vì (1) làng nước lắm, trời nà !... Bây giờ ai lấy anh nữa ? Hết lứa con ghi trong làng đi rồi. Khi xưa nhằm cho nơi mả cũng không ưng. Cứ chề bọn con Miên, con Ngo, con Cúc Trà, rửa mả bọn hần cũng có người rước đi cả ; người ta có chề mả. Giữ còn con Thơi con ông Bếp là vừa lứa, hỏi anh thì anh cứ âm ừ ; mai mốt chi hần lấy chồng, rửa là anh lại trơ ra

Anh Bình lấy làm bức mình vì trong câu chuyện không vui mụ mẹ chen tên Thơi vào. Anh hỏi gắt :

— Mẹ nói hay chưa nà ! Biết người ta có lấy không mà nói chuyện cười vì (1) hỏi.

Anh nghĩ đến mụ Bếp lạnh lùng mím đôi môi, đến Đồ Nhưng, người tinh dịch, nụ cười láu lỉnh. Nhưng mụ Lon biểu lời anh ra cách khác. Mụ nói :

— Sợ gì họ chề, mình nghèo ? Họ sắp ăn lười thật đó, rửa là họ giàu gì hơn mình mấy ? Hai bên đều ăn nhờ nơi con cá. Nhờ trời ra cho mạnh, làm có miếng ăn, vợ chồng hòa thuận, rửa là hơn hết. Chắc bên ông Bếp người ta cũng nghĩ rửa.

Mụ xích lại gần anh Bình, hạ tiếng lấy một giọng tâm sự :

— Nghe tui đi, con Thơi vừa khéo đó. Hần mặt mũi vuông trượng, người thì to béo chắc chắn ; hần lại sôi việc. Mà đừng sợ cười tổn tiền, cứ hỏi cho chắc chun rồi để đó ; mai mốt gì bà cố nhắm mắt, thì ta hay đến xin cưới chạy

(1) với.

đang. Rứa là không mất đồng tiền mô mà được ghi (1).

Sự tính toán ấy làm phiền lòng anh bạn chài ngay thật :

— Cái lối gì lại rình đám chét như rứa !

Mụ Lơn nhìn con kêu lên :

— Hừ, người ta ai cũng mần như rứa, có phải mình tui mô ? Anh ni rõ như anh người đời. Thôi, tui nỏ nói ví (2) anh nữa.

Trong óc mụ, « người đời » là một người khác lạ, tâm tính ra ngoài nếp thường. Anh Bình thường bị mẹ gọi vậy ; anh có những ý nghĩ mà mụ cho là kỳ-quái. Có lần bị mụ thúc quá, anh đáp :

— Ở thì tui lấy o Thoi. Rứa mà cũng để tui hỏi coi o mô có ưng tui không đã chớ.

Mụ Lơn đã cười âm lên :

— Nói đã lạ chưa ! Muốn lấy ghi (1) thì hỏi bố mẹ hân, chớ hỏi hân mần gì ?

Mụ cho cái ý của anh ngộ nghĩnh lắm, và thường thuật lại cho người khác nghe.

Cái lúp đã chữa xong, anh Bình đem đây lên ton nằm. Khuỷ tay lên quần, anh định ghé vào bếp thăm cơm, thì thấy Đồ Nhưng lưng thưng đi vào, hai tay chấp sau đít.

Cái cười theo hân từ ngoài cổng vào, hôm nay lại còn rộng hơn nữa, hai dấu ngoắc đào sâu hơn, chuỗi dài trước cằm như để bung lấy nụ cười. Hân hỏi :

— Hai mẹ con bàn bạc chuyện gì đó ?

Mụ Lơn vốn tính nói dai, tỏ vẻ vui thích vì có người nghe để mình phân trần :

— Ở, anh Đồ, anh vô đây mà coi tui nói có phải không. Đồ nói với cái anh người đời hân tức anh ách.

Anh Bình đứng chống nạnh, lặng lẽ đứng nhìn mẹ. Bối

(1) vợ (2) với

một thứ then phức tạp, anh không muốn cho người tình đi dư nghe chuyện hôn nhân của mình. Nhưng mẹ Lợn vẫn bỏ bỏ :

— Anh Đổ nghĩ coi, tui nhủ hăn lấy vợ, hăn cứ dấy nẩy lên. Rứa có xấu hổ không nà ?

Anh bạn chài kêu lên :

— Hừ, mẹ đã hay chưa !

Anh bỏ đi ra cổng. Mẹ Lợn nói với theo :

— Ở nhà mà ăn cơm, còn đi mô nữa ?

Anh không quay lại :

— Tui nỏ ăn, đang no. Tui đến ông nghề chơi đây.

Mẹ Lợn nhìn theo, không bằng lòng. Hồi lâu, mẹ nói một mình : « Rõ con vi (1) cái ! »

Bấy giờ Đổ Nhưng mới cười thốt ra một tiếng nhỏ. Hăn đến ngồi nơi giường, nhưng trước khi ngồi, đã có ý phui phui mặt chiếu.

Dáng điệu hăn khoan thai. Lối ăn mặc khá sang : áo lụa bèo, quần nâu mới còn đỏ thắm.

Đổ Nhưng ít đi lười. Hăn ưa chảy nước mắt, và mang ở Hà-nội về một mũi tinh thành giả, một vế sang trọng rơm và rẽ tiền : có lần hăn bôi dầu Khuynh-diệp lên tóc làm nước hoa.

Người trong làng kháo nhau hăn đã có lần mặc « nỏ ta ». Ai nấy đều hiểu là hăn bị bệnh. Thành thị có những quyển rữ đề dàng hợp túi tiền mọi hạng người. Trên bến Hồng-hà, những đêm năm chưa ngủ, lưng đau trần trổ trên sạp gỗ, hăn lắng tai nghe tiếng rầm rột vang từ phía rục sáng ánh đèn. Trong bóng tối, những bóng người đi qua lại chườm nhẹ nhàng từ thuyền này sang thuyền bên. Đó là bọn đàn bà bán quả đêm, điệu bộ táo bạo. Có đứa rao : « Ai ăn lạc ? » Và một sáng kia Đổ Nhưng thấy trong mình gầy gầy sứt.

(1) với

Hắn đã có một đời vợ. Chị ở nhà quê, từ buổi đầu, bị hắn làm khổ. Vốn tính khe khắt, hắn bắt nép vợ trong từng chuyện vặt. Nhưng hắn không nổi giận bao giờ. Mỗi khi không bằng lòng, hắn thủng thỉnh tới giường ngồi, lặng lẽ nhìn chị rất lâu bằng con mắt nghiêm khắc; đôi khi hắn cười nhạt. Chị vợ run lên. Cái im lặng soi mói của người chồng làm chị phiền rầy, lo sợ, đè nén chị. Chị đợi mãi một lời rủa, một câu mắng không bao giờ bật ra. Sau cùng chị như phát cuồng; chị bèn xin ly-di.

Việc xảy ra đã cách ba năm. Đồ Nhung bị một cái « vit » (1) đó, khó lấy vợ khác. Mà hắn ta cũng không tỏ vẻ gì vội vàng. Khoảng về sau này, hắn năng đi lại nhà mẹ Bép; sự săn sóc của hắn, nhất là đối riêng với mẹ, hình như có ý nghĩa. Nhưng chưa ai nghe đồn hắn sắp lấy Thơi.

Hắn không mang ý-định gì, khi vào nhà anh Bình. Anh bạn chài hiền lành không phải là một địch thủ đáng sợ. Gặp anh, hắn thường cười cái nụ cười bất tuyệt. Câu chuyện dai dẳng của mẹ Lợn chỉ làm khó chịu; hắn chẳng buồn nghe. Hắn có thói quen đi dạo trong làng, như một ông nhà giàu rồi rỗi. Nghe trong nhà ai có tiếng người, hắn ghé vào ngồi tán vợ vãn.

Khi anh Bình ở nhà ông nghề ra, trời đã tối mịt. Tới công anh đứng lại nghe ngóng.

Đồ Nhung đã đi rồi. Tiếng rửa bát đĩa ngoài sân lách cách. Mẹ Lợn từ bếp đi lên, tay cầm đĩa đèn dầu lạc vừa mới thắp. Anh Bình đi vào. Anh hỏi:

— Thằng Mơ mò?

Mẹ Lợn đáp:

— Vừa ăn xong hắn tới đi mò liền.

— Chắc lại đi hát phường chớ gì

Vừa nói, anh vừa chậm chạp tới giường nằm lẫn Anh

(1) vết

thấy trong người rời rã như cách vữa tháo khỏi một con
tổ bảo.

Mu Lôn hỏi: Nhưng hẳn không nói gì?

— Em hẳn có đề phẩn cơm cho đó. Có ăn không?

Anh Bình từ chối. Một sự uể oải là thường gặp nhấm
trong anh từng bắp thịt. Lòng anh buồn rầu vô biên, như
muốn chuyển sang một niềm thất vọng không duyên cớ. Anh
thường vẫn vậy sau những câu chuyện về hôn nhân của anh,
nhất là khi chuyện có đã động đến Thôi.

Đêm vắng lặng trong không gian. Duy có tiếng rì
rào của bề cỏ ngoài xa vắng đến, nghe u trầm, nhưng dai
bền, ử một sức mạnh ngầm. Tiếng động mệnh mang ấy ử
loang trong bóng tối, bao trùm suốt đêm lấy cả các xóm
trong làng và người ta tưởng đó chính là nhịp thở điều hòa
của sự sống thôn mạc miền duyên hải.

Trích trong tiểu-thuyết « BIÊN »

BÙI - HIỂN



Ngày xuân chơi đồng quê

Tặng anh Nguyễn-văn-Vĩnh.

Ngày vừa rạng, vàng son lồng mặt nước,
Trời thêu mây, núi lìn nắng phun hương,
Cây xanh ròn sương nam ngọc kim-cương,
Giòng nước biếc lượn như giòng ngọc chảy.
Đàn chim sẽ nấp nhìn qua kẽ sậy
Tia nắng hồng, đốt cháy hạt sương trong.
Đám mây vàng lơ lửng lướt trên không,
Bóng trôi xuống giòng nước trong sâu thẳm.
Vài tia khói trên nóc nhà nâu sẫm
Như những đường phấn trắng lửa liu diu.
Trên đồng xanh vài ngọn tháp chuông cao,
Bóng nổi rõ trên nền trời hồng nhạt.
Ngôi miếu nhỏ bên đường hương khói lạt,
Như bức thành văn-hóa bị tàn vong.
Con trâu đen chúi mũi đứng bên đồng,

Cờ liếm mãi nắng vàng trên cỏ biếc.
 Bên đường cái dưới giàn đa xanh mướt,
 Một bà hàng đặt chõng bán chè xôi.
 Người các làng đi chợ gánh trên vai
 Những thùng nặng khoai lang màu tía đỏ.
 Từng quãng hiện sau bức tường đất lở
 Một túp nhà trong một mảnh vườn xanh.
 Đây, cây đề tán rợp bóng rung rinh,
 Nắng len lỏi tìm chim trong kẽ lá.
 Kia, rải rác bên chùa dăm tấm đá,
 Dấu thời - gian, còn lại vết rêu mờ.
 Dưới chân đồi trong những ruộng giồng dưa,
 Qua khe lá hoa vàng chen lẫn tím.
 Những cồn mía lá non, mình tía sẫm.
 Vạch lên trời một nét uốn thanh thanh.
 Vài ba cô yếm đậu, thất lưng xanh,
 Giơ gáo giới trong những vườn cải biếc.
 Máy cò khạc, vài mùng đôi nổi nước,
 Từ cổng làng lững thững gánh đi ra.
 Bên bờ thoả liến miết dưới cây đa,
 Nằm lẫn lộn những bình với sứt mẻ
 Trên lưng cò dưới cây bàng lặng lẽ,
 Con bò nằm theo đuôi giặc mớ lúa.
 Từ đàng xa vắng vắng tiếng chim cu,
 Làn sóng sánh cả bầu không khí biếc.
 Vài chiếc quán bán đường che cánh liếp.
 Khởi đầu nhà theo gió uốn mình bay...
 Ngày về chiều vàng tía trộn chân mây,
 Trăng sao bạc thêu màn trời gấm đỏ,
 Hơi lấm tím phủ mờ trên lá cỏ,
 Một đàn bò thấp thoáng bước trong sương.
 Ngày tắt dần theo nhịp chuông vang...

ĐOÀN VĂN CỬ

Phong tân hôn

PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM

Trái tim tôi hồi hộp khi tôi đỗ xe xuống trước cửa nhà anh Lương. Đã mười lăm năm qua, nay tôi mới có dịp về thăm bạn. Hai chúng tôi vốn thân nhau từ buổi thiếu thời, khi chung bóng học hành, lúc kể vai trò chuyện, cùng trao đổi nỗi niềm tâm sự, và trên đường đời cùng có những chỉ hướng giống nhau. Chúng tôi đã cùng ăn với nhau một lần cuối cùng, trong bữa tiệc nghinh hôn của anh; rồi ngay hôm sau, giữa dịp vui mừng nhất của đời anh, tôi đã từ giả anh ra đi. Lúc tiễn chân tôi, anh có vẻ buồn. Nhưng đó chỉ là một cái buồn phẳng phất như đám mây xám nhẹ của trời xuân.

Còn anh, anh vẫn là tất cả một mùa xuân đầy nụ cười chớm nở, đầy hạnh-phúc, đầy hy-vọng...

Đã mười lăm năm rồi chúng tôi chưa gặp nhau.

Chúng tôi mới viết thư cho nhau có một lần, năm năm trước đây. Tuy nhiên, tôi vẫn biết rằng cuộc đời của anh bình vượng, bình yên và anh hằng nhớ đến tôi.

Hơn nữa, tôi lại biết anh vẫn giữ lòng đạo đức, và tôi hy vọng vẫn còn tìm thấy ở anh một người công-giáo thành tín, một người bạn trung hậu.

Căn nhà anh ở vẫn là căn nhà trước. Anh ở đây từ ngày kết bạn. Biết bao lần chúng tôi đã cùng nhau đến thăm cái nhà ấy, cùng nhau bàn định cách trang hoàng, xếp đặt để xứng rước tân-nhân của anh về!

Tôi gõ cửa. Một cụ vú già ra mở:

— Ô kia, ông! Ông Vân!

Tôi nhìn vú già...bỡ ngỡ:

— Ông không nhận ra tôi ư?

Tôi chợt nhớ ra:

— À! ư Nhón! Ủm sao?

— Vâng, tôi yếu, cái bệnh chung của mọi người khi đến tuổi, bệnh già đấy ông ạ. Khi ông đi tôi mới 45, nay đã 60 rồi còn gì. Nhưng ông ạ, tôi vẫn giỏi làm chả bánh đa. Mà có lẽ lại giỏi hơn trước nhiều.

Chả bánh đa là món bếp biệt tài của vú Nhón mà trước kia chúng tôi vẫn ca tụng. Tôi hứa hôm nay sẽ ở lại ăn chả bánh đa của vú.

— Còn ông Lương sao? Khỏe mạnh?

— Thưa vâng, cậu tôi vẫn mạnh. Cũng như ông cậu tôi quên già. Hễ lần nào ăn chả bánh đa là lại nhắc tới ông đấy. Được ông về chơi chắc cậu tôi sung sướng lắm!

— Ông có trên nhà đấy chứ?

— Vâng, cậu tôi trên kia với cả vợ tôi nữa, trong căn phòng xanh, ông biết rồi đấy... Căn phòng trước kia hình như ông vẫn gọi...« Phòng tân-hôn ». ấy mà. Ngày trước các ông vui vẻ lắm nhỉ. Vậy mà nay ông đã có vẻ nghiêm trang lắm rồi...

Lặng lẽ, tôi theo cụ vú già chậm chạp bo từng bậc thang. Nhứt chốc tôi có cảm giác là mình đã già rồi không còn cái lanh lẹn tươi cười như xưa nữa.

PHONG TÁN HÔN

47

Không gõ cửa, tôi bước chột vào « căn phòng xanh ». Lương vốn vấp chạy ra ôm lấy tôi. Nhắc nhìn, tôi thấy anh vẫn như xưa, với đôi mắt vẫn tinh nhanh và tấm lòng vẫn đậm thắm, nhưng càng nhìn lâu tôi lại càng khó nhận ra anh. Cái thân hình thẳng thắn và cao cao của anh khi xưa, nay có vẻ mảnh khảnh và cúi gò; tiếng nói anh trước kia nhanh thễ pay trở nên dễ dàng thư thả; trên trán anh không còn những mái tóc xanh xinh tốt nữa, mà chỉ thấy ghi những dấu vết của thời gian; nét mặt anh trước kia sáng sủa thế nay đã ra vẻ dầy dạn với phong sương, đôi mắt anh đã mỗi nhìn dơi, còn đâu là ánh sáng trong tươi thủa trước.

Tôi còn nhớ ngày xưa, anh có một tính hay cười không thể nhìn được, và anh còn nói cả những cái nhẩn mặt của người khác cũng làm anh bật cười được.

Chà ! bây giờ chả cần hỏi chuyện anh, tôi cũng biết, đến lượt anh, anh đã khóc, và cái tính hay cười của anh đã mất hẳn đi rồi.

Còn vợ anh, chị Lương, trước kia chỉ mới biết tôi qua loa. Chị phải nghĩ lung mới nhớ ra được tôi. Nhưng tôi ở đâu tôi cũng nhớ tới chị ấy. Trong trí tôi, tôi hình dung chị là một nàng tiên của tuổi trẻ, hiện thân trong bộ áo nhung hồng, miệng cười tươi, ngày, ngày rạo chơi trong vườn ngự uyển ngày xuân; tim chưa hề bị sự gì lẻ tẻ tại; mắt chưa từng trông cảnh gì buồn; trí khôn chưa hề lo nghĩ sự gì thắm; tai chỉ biết nghe những lời du dương êm ái; tay chỉ biết cầm những cành hoa tươi mới nở; nghĩa là chị là tất cả một buổi sáng mai, một đóa hoa một sự hứa hẹn một cuộc đời ! Ấy cái ngày chị đính hôn với bạn tôi, chị đã hiện ra với tôi như thế : Chị là sự hòa hợp của sắc đẹp, của lòng tin, của tình yêu, của ngày thơ; chị nghiêm trang vì tin; chị sung sướng vì yêu, chị diễm lệ vì ngày thơ. Sau mười lăm năm, bây giờ chị đã là một thiếu phụ già đi vì việc nội trợ, là một cô gái lớn để lang mẹ, là một bà mẹ trẻ để lang con.

Những suối nước mắt chảy ra luôn đã cùng với thời gian in nét nhăn trên bộ mặt trắng hơi xanh của chị.

Trái tim chị đã nhiều lần thốn thức, lê lải trước những cảnh tang thương của cuộc đời.

Tôi còn nhớ ngày trước chúng tôi quen gọi chị là « ngôi sao mai : « Stella matutina » mà bây giờ phải gọi chị là mẹ đau thương : « Mater doloros » mới phải.

Ngồi nhìn lên tường, tôi cảm động, dừng con mắt lại trên bức họa « bảy sự thương khó Đức Bà » : một trái tim bị bảy nhát dao thấu qua !

Lương bảo vợ đi gọi con đến chào tôi. Lúc ấy tôi đã không kịp quan sát xong « căn phòng xanh », liền bảo bạn.

— Căn phòng này đã khác xưa lắm anh nhỉ ! Tôi thấy nó đi đôi với nét mặt và cõi lòng của anh chứ không phải là cái « Tàng việu » của anh em mình ngày xưa nữa.

— Phải, Lương trả lời tôi buồn bã. Cách trang hoàng và xếp đặt, trước kia đã từng theo sự sở thích của tinh thần. Dần dần nó đã thay đổi cho hợp với sở thích và nhu cầu của tâm hồn, đáng khác cho dễ việc cầu nguyện và để ghi nhớ những kỷ-niệm đã qua. Anh và tôi ngày trước không ai nghĩ đến cây thánh giá, bây giờ thì nó kia.

Hắn anh còn nhớ cái chỗ treo cây thánh giá bây giờ ngày xưa chúng ta đã treo bức họa cô gái trong rừng xanh : cô gái Thổ ấy đã chẳng yên ủi chúng tôi bằng cây thánh giá kia lúc thần chết vác liệm qua đấy !

Tôi đã cho « nhà tôi » bức họa « Đức mẹ dưới chân thánh giá ». Sau khi đưa con đầu lòng của chúng tôi vừa chết, nhà tôi đã tự ý treo bức họa ấy vào góc tường kia thay cho bức họa mà chúng ta đã mua trong một phòng triển lãm. Còn chỗ bàn rửa mặt này, trước kia chúng ta đặt bức tranh một ngày chợ phiên, nay là bức ảnh cha tôi trong nghĩa địa làng — Ngôi mộ ấy là cái tôi bắt đầu xây dựng đầu tiên trong cuộc đời của tôi và những cây huyết

đu mọt chung quanh, đó là những cây đầu tiên tôi trồng. Bên cạnh bức ảnh ấy là ảnh mẹ vợ tôi : cụ đã chết ngay trong phòng này. Những tấm ảnh khác kia toàn là của những người rất thân yêu của chúng tôi, đã gây dựng cho chúng tôi, đã cùng chia vui sẻ buồn với chúng tôi mà nay không còn nữa. Đứa trẻ bé xinh như thiên thần kia là cháu gái thứ hai của chúng tôi. Chúa đã cất về khi nó mới sáu tuổi. Nó đã kêu : « Lay Chúa ! Lay Chúa, con muốn về với Chúa », thế rồi nó mở tròng đôi mắt nhìn bố mẹ nó một lần sau hết để ra đi !

Bạn tôi cảm động không nói nữa. Cũng cảm động, tôi đứng lặng nhìn trên tất cả những kỷ-niệm buồn rầu đó.

Hiếu ý tôi, bạn tôi nói tiếp :

— Đấy anh xem, một phòng tan bòn đã có thể biến đổi đến thế nào ! Mới có mấy năm, nó đã đầy những dấu vết của tang thương, của sự chết. Nhưng, — anh nói tiếp — Nhờ đấng Cứu-thế bất tử, oan hận và thất vọng không bao giờ lọt cửa vào đây được. Và tôi đã nhận thấy rằng chính sự đau khổ đã tăng thêm lòng tin, tình yêu và sự bình an cho cuộc đời gia-đình của chúng tôi.

PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM

UHT-EMIM-81

Chuyên tàu đò i

Nhiều lần tôi nghĩ bao la đời
Đời là quán khách, tôi là giấc mơ.
Trao duyên rất đổi tình cờ,
Không mong ước hẹn, không ngờ gặp nhau.
Tôi sinh cách mấy nghìn sau,
Vẫn bền thiên luật : lên tàu, xuống ga.
Đường lùi, bóng núi sông qua,
Nay đương nắng mới, mai là cảnh xưa.
Có tôi, tàu vẫn đông thừa,
Không tôi, chợ, phố phường chưa vắng người
Mất, còn có nghĩa gì tôi,
Tôi là chút ít của đời chút không.
Nẻo trần : bụi cuốn, mây dong,
Mơ xây vĩnh viễn lồng trong má đào !
Đôi phen, gió lạnh bay vào :
Ngẩn ngơ :
— « Ta xuống ga nào hở em ? »

LÊ-MINH-THU

Tư tưởng xuân

THANH-HẢI

Sau những ngày vật lộn với mưa rét của tiết đông, cảnh đào mím cười trước làn gió phất nhẹ. Xuân đã đem màu sắc phớt hồng cho cảnh hoa tươi tắn và truyền sinh khí đến tận búp non non nỡn.

Bạn là cảnh hoa đào. Đời là tiết đông. Những ngày buồn thiu, âm-đạm sẫm vẫn những ánh mây đen, bạn sao khỏi thắc mắc lo âu? Giữa sức giằng co của lòng thần và lòng thú, bạn đã phải sống trong hồi hộp, bấp bênh. Giải giầu dưới lớp phong sương, phần hạ của bạn đã chết khô.

Thì nay xuân đã trở lại với những ngày xuân đầm ấm với hoa xuân rực rỡ. Bạn hãy vui mừng và ca hát lên thôi. Chứa xuân, sau mấy ngày buồn thiu, như cánh hoa rập nát dưới cơn giông tố phũ phàng, nay đã lại khởi hoàn, vinh-hiến. Bạn cũng đã sống lại, sống cuộc sống đầy sự sống. Là vì, xác thịt chết đến đâu, linh hồn sống đến đó.

Đời là một cuộc chiến đấu. Chính phạt được xác thit đó là một chiến công oanh-liệt nhất, vì nó đòi can - đảm nhất. Phần thưởng của bạn, Chúa xuân đã nhắc đến trong câu Phaolô : « Cùng chịu gian lao tất cùng hưởng hạnh phúc ».

LÀ NGƯỜI THẾ NÀO ?

Từ ngày đứng lên ở Golgotha, cây thánh giá là một dấu hỏi lớn cho thế giới. Cái người mặt búng da chỉ đã làm rung động cả hoàn-cầu. Người là nhà cách-mệnh lớn nhất trong nhân-loại. Người là nguyên tắc của thời gian, người là trung tâm điểm của vũ-trụ. Đời người không phải chỉ là một góc của lịch-sử : lịch-sử nhẽ ra không có, nếu không có người. Với người, đã mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên loài người khôi-phục lại tư cách loài người. Ở người có một cái mà khoa-học, mỹ-thuật, triết-lý v.v. chưa từng không thể thay vào được. Tất cả thay đổi, đổ vỡ đi vào quên lãng, chỉ có Chúa Giêsu với đạo lý của ngài vẫn tồn tại, mới mẻ, hợp thời.

Cái người chết đã hai mươi thế kỷ, ngày nay vẫn có sức thôi miên bao nhiêu tuổi trẻ, bao nhiêu sắc đẹp, bao nhiêu tình-ái, phải là người thế nào ? Phải là người thế nào, mới có cái mãnh lực lôi cuốn người đời, khiến họ can-đảm trước đau-khổ, thần-nhiên trước lạc thú, bình-tĩnh trước phong ba ?

Khả ái thay ! gương mặt của Chúa Giêsu...

MỘT CHỮ MUÔN Ý NGHĨA

Nhà văn - sĩ nọ băn khoăn về một cái ý tưởng ngộ nghĩnh. Ông muốn cho ra đời một cuốn sách kỳ lạ. Cuốn sách theo ý ông chỉ một trang thôi, trên trang giấy chỉ một dòng mà dòng đó lại chỉ vẽ vện một chữ và cái chữ đọc nhất, vẫn theo ý ông, diễn tả được hoàn toàn ý tưởng của ông.

Sau bao nhiêu năm nát óc, nhà văn-sĩ đành thức thủ và nhận thấy cái bất lực của tiếng loài người.

May mắn hơn nhà văn-sĩ nọ, ta được cuốn sách chỉ đọc một chữ. Một chữ nhưng muôn ý nghĩa. Nó chứa trong nó cả cái chương-trình lớn lao của Thiên - Chúa. Cả cái vận mệnh huy-hoàng của loài người. Triết-lý xâu xa nhất, khoa-học chân chính nhất, ái-tình đẹp đẽ nhất, bác-ái mãnh liệt nhất, đều được gặp thấy ở nó. Nó là người của hạnh phúc, nghị-lực của yếu bèn, yên-ủi của đau-khổ « Nó là tình ái » . Nói tóm lại, nó là tất cả .. Và tất cả đến với nó không bao giờ phải thất-vọng.

Cuốn sách nọ là Thánh - Giá, mà chữ kia là GIÊSU vậy.

Thanh - niên, thầy của bạn đó. Phụng-sự thầy quả là một vinh dự và hy-sinh vì thầy quả là một nghĩa-vụ trên mọi nghĩa-vụ ở đời.

THANH HẢI

Mục - lục



Lời ról dẫu	7	1
Jésus Christ	9	
Xuân tàn	14	
Thơ và Chúa	19	1
Hôn ười	23	
Hiu quạnh	25	
Marie Bissonnette	27	
Nhà anh Bình	33	
Ngày xuân chơi đồng quê	34	
Phòng tân hôn	45	
Chuyến tàu đời	50	
Từ tưởng xuân	51	

Blue - luc

2/2

1	Loi thi
2	Đang Chai
3	Xuân Tân
4	Thi và Chai
5	Hàn Chai
6	Huỳnh Chai
7	Mai Bismontie
8	Thi và Bismontie
9	Ngày và Chai Chai
10	Phong Tân
11	Chuyen Tân
12	Tiêu Tân

SÁCH NÀY IN XONG NGÀY 10
DÉCEMBRE 1944 TẠI NHÀ IN
Á - CHÂU. NGOÀI NHỮNG BẤY
THƯỜNG CÓ IN THÊM 23 BẢN
TRÊN GIẤY BLANC BAYASSE RIENS
LẶNG CÁC TÁC GIẢ KHÔNG BÀN.

Giấy phép in số 11
Ngày 5 Janvier 1944

ĐƯỢC MÀY IN TRONG NHẬT 19
THÁNG 12 NĂM 1911 TẠM NHẢY IN
A - CHẮC NHẢY NHỮNG 674
THƯỜNG CÓ IN TRÊN 23 BẢNG
THƯỜNG 12 BẢNG NHẢY NHỮNG
SANG CÁC TẠM GIỮA NHỮNG NĂM

Thủy phần in số 11
Ngày 1 tháng 12

Nhà in A - CHÂU
— ấn hành —

Giá 3.50